

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22-4-2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Quý
2. Bà Châu Hồng Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 1273/2018/TLST-HNGĐ 19/12/2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1968; thường trú: Số 28/48 khu phố Đ1, phường A, thị xã D, tỉnh B. Chỗ ở hiện nay: Số 21 đường số 13, phường X, quận Đ, Thành phố M. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Quốc Đ, sinh năm 1970; thường trú: Số 28/48 khu phố Đ1, phường A, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm, bà Nguyễn Thị V và ông Đỗ Quốc Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh T vào ngày 10/10/1991, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 12. Sau khi kết hôn, bà V và ông Đ sống tại tỉnh T. Đến năm 2001, vợ chồng chuyển vào A, D, B sống cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ không chịu làm ăn và hay chơi đánh bạc. Từ đầu năm

2017, vợ chồng sống ly thân, mỗi người tự lo cho cuộc sống của mình, không quan tâm, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Tháng 7/2017, bà V đã nộp đơn ly hôn, ông Đ cũng thống nhất ly hôn nhưng sau đó thay đổi ý kiến. Bà V muốn cho ông Đ cơ hội nên đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông Đ vẫn không được cải thiện. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng có 04 con chung tên Đỗ Thị T, sinh năm 1992, Đỗ Thị Cẩm N, sinh năm 1996, Đỗ Cẩm Nh, sinh năm 1998 và Đỗ Thế P, sinh năm 1999. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Đỗ Quốc Đ đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông Đ không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:
Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 20/02/2019, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 12/3/2019; ngày 29/3/2019 và ngày 22/4/2019 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V và ông Đỗ Quốc Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh T vào ngày 10/10/1991, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 12, là hôn nhân hợp pháp.

Bà V xác định cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ không chịu làm ăn và hay chơi cờ bạc. Từ đầu năm 2017, vợ chồng sống ly thân, mỗi người tự lo cho cuộc sống của mình, không quan tâm, chăm sóc nhau. Tháng 7/2017, bà V đã nộp đơn ly hôn, ông Đ cũng thống nhất ly hôn nhưng sau đó thay đổi ý kiến. Bà V muốn cho ông Đ cơ hội nên đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông Đ vẫn không được cải thiện. Do tình trạng mâu thuẫn kéo dài đã lâu làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt dần.

Xét, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, do mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông Đ đã diễn ra trong thời gian dài và cả hai người cũng không có giải pháp nào để cải thiện, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà V và ông Đ đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập ông Đ đến làm việc và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Đ không đến Tòa án, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của bà V và ông Đ thực sự không còn, tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà V, ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà V yêu cầu được ly hôn với ông Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V đối với ông Đỗ Quốc Đ về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Đỗ Quốc Đ.
- Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0027867, ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh B.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B
- VKSND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- UBND xã T, huyện L,
tỉnh T;
- Dương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên

